

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Mẫu số 02  
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *12* /2023/ODE/CBTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: **ODE**, sàn giao dịch **UPCoM**
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 7306 0666 Fax:
- Email: Website:

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2022
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

- Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

- Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có  Không



Mẫu số 02

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30 / 3 /2023 tại đường dẫn: <https://ode.vn/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022: Không có

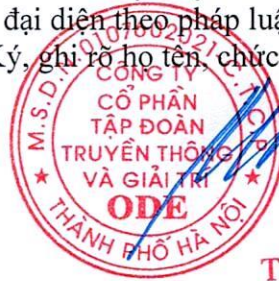
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC năm 2022.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Hoàng Thị Mỹ Bình*



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG  
VÀ GIẢI TRÍ ODE**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đinh Chí Hiếu	Chủ tịch
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Trà Mi	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Hoa	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Đức	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Thị Mỹ Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2023



Số: 0121 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đỗ Hồng Dương**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2393-2021-001-1

**Lương Tuấn Đạt**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4370-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 25 tháng 3 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,  
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>150.366.850.302</b>	<b>118.075.066.272</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.822.193.094</b>	<b>35.498.138.612</b>
1. Tiền	111		3.822.193.094	35.498.138.612
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>116.954.366.492</b>	<b>57.594.891.996</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	116.203.982.626	52.703.912.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	741.916.136	4.880.204.966
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		8.467.730	10.774.330
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>29.464.943.980</b>	<b>24.741.048.396</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.464.943.980	24.741.048.396
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>125.346.736</b>	<b>240.987.268</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	125.346.736	240.987.268
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.238.557.255</b>	<b>22.166.064.841</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.082.607.513</b>	<b>18.431.260.562</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.982.607.521	2.631.260.566
- Nguyên giá	222		4.551.693.354	3.273.606.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.569.085.833)	(642.345.538)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	14.099.999.992	15.799.999.996
- Nguyên giá	228		16.000.000.000	16.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.900.000.008)	(200.000.004)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.150.949.742</b>	<b>3.734.804.279</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	8.150.949.742	3.734.804.279
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>175.605.407.557</b>	<b>140.241.131.113</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.885.822.725</b>	<b>22.260.277.298</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>49.885.822.725</b>	<b>22.260.277.298</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	39.642.102.438	11.623.356.212
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	262.705.460
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	5.469.566.607	6.987.407.635
4. Phải trả người lao động	314		4.526.585.689	3.352.172.900
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	247.567.991	34.635.091
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>125.719.584.832</b>	<b>117.980.853.815</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>125.719.584.832</b>	<b>117.980.853.815</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.719.584.832	17.980.853.815
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		17.980.853.815	5.180.051.916
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.738.731.017	12.800.801.899
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>175.605.407.557</b>	<b>140.241.131.113</b>

Đỗ Lệ Thủy  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,  
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 02-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	16	133.545.354.366	125.080.246.000
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		133.545.354.366	125.080.246.000
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	17	103.595.769.389	98.320.341.985
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.949.584.977	26.759.904.015
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		18.502.967	25.311.811
6. Chi phí bán hàng	25		752.789.942	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	18.649.119.976	10.674.571.328
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	30		10.566.178.026	16.110.644.498
9. Thu nhập khác	31		157.955.456	47.628.720
10. Chi phí khác	32		540.575.769	125.816.676
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(382.620.313)	(78.187.956)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.183.557.713	16.032.456.542
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	2.444.826.696	3.231.654.643
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.738.731.017	12.800.801.899
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	774	2.329



**Đỗ Lệ Thủy**  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



**Hoàng Thị Mỹ Bình**  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,  
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 03-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.183.557.713	16.032.456.542
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.626.740.299	700.550.605
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.502.967)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.791.795.045	16.733.007.147
Tăng các khoản phải thu	09	(59.364.474.496)	(3.718.096.403)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.723.895.584)	28.226.035.556
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	27.430.079.341	(33.143.714.967)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(4.300.504.931)	(3.582.170.869)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.231.654.644)	(1.027.113.153)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.398.655.269)	3.487.947.311
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(295.793.216)	(16.105.932.390)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.502.967	25.311.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(277.290.249)	(16.080.620.579)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	46.809.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	46.809.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(31.675.945.518)	34.216.326.732
Tiền đầu năm	60	35.498.138.612	1.281.811.880
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	3.822.193.094	35.498.138.612



Đỗ Lệ Thủy  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty", trước đây với tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông S-MEDIA), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107602021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 10 năm 2016 và sửa đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 02 tháng 8 năm 2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND, được chia thành 10.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8089/UBCK-GSĐC ngày 03 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 115 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 80 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý, đầu tư;
- Cổng thông tin;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, sáng tác, nghệ thuật và giải trí, nhiếp ảnh, trang trí nội thất, thiết kế website, thiết kế đồ họa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- In ấn, dịch vụ liên quan đến in;
- Xuất bản catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác;
- Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác;
- Thuyết minh thời gian trình chiếu chương trình truyền hình về cuộc họp;
- Dịch vụ sắp xếp thư;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động của các điểm truy cập internet, hoạt động viễn thông có dây, không dây, dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; phát hành phim điện ảnh, phim video, chiếu phim, hậu kỳ, ghi âm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, xuất bản phần mềm;
- Bán buôn, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là truyền thông và quảng cáo.



**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí của các dự án dở dang với giá trị được xác định tương ứng với khối lượng các hạng mục công việc được hoàn thành bởi các nhà cung cấp và được nghiệm thu bởi các bên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật tư kiến trúc	3
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không thể ghi nhận được tài sản cố định vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp, chi phí nghiên cứu phát triển được hạch toán vào khoản lãi hoặc lỗ trong năm tài chính phát sinh chi phí đó.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày nghiệm thu dịch vụ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.000.109.754	1.458.034.519
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.822.083.340	34.040.104.093
	<b><u>3.822.193.094</u></b>	<b><u>35.498.138.612</u></b>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	62.745.219.141	15.059.663.300
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	12.031.008.784	4.033.168.700
Công ty Cổ phần Đầu tư KSFinance	10.082.409.675	3.053.103.900
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	10.004.832.622	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	10.443.336.178	-
Khác	10.897.176.226	30.557.976.800
	<b><u>116.203.982.626</u></b>	<b><u>52.703.912.700</u></b>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Liên doanh hội chợ và Triển lãm Sài Gòn	489.250.000	-
Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tiền Phong	-	1.266.122.440
Công ty Cổ phần Giải trí HCC Việt Nam	-	754.600.000
Công ty TNHH Quảng cáo Tầm Nhìn Việt	-	569.250.000
Khác	252.666.136	290.232.526
	<b><u>741.916.136</u></b>	<b><u>4.880.204.966</u></b>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.464.943.980	-	24.741.048.396	-
	<b><u>29.464.943.980</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>24.741.048.396</u></b>	<b><u>-</u></b>

Chi tiết chi phí các dự án dở dang được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án quảng bá thương hiệu Sunshine	7.726.330.887	11.392.563.431
Dự án Sunshine Heritage	6.084.375.070	3.520.041.477
Dự án Sunshine Golden River	3.746.104.558	94.331.292
Dự án KS Bank	2.775.311.983	414.693.435
Các dự án khác	9.132.821.482	9.319.418.761
	<b>29.464.943.980</b>	<b>24.741.048.396</b>

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	-	2.216.328.964	348.287.140	708.990.000	3.273.606.104
Tăng trong năm	31.136.250	489.843.000	757.108.000	-	1.278.087.250
Số dư cuối năm	<b>31.136.250</b>	<b>2.706.171.964</b>	<b>1.105.395.140</b>	<b>708.990.000</b>	<b>4.551.693.354</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	-	583.263.040	-	59.082.498	642.345.538
Khấu hao trong năm	7.784.064	590.375.728	210.415.507	118.164.996	926.740.295
Số dư cuối năm	<b>7.784.064</b>	<b>1.173.638.768</b>	<b>210.415.507</b>	<b>177.247.494</b>	<b>1.569.085.833</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	-	1.633.065.924	348.287.140	649.907.502	2.631.260.566
Tại ngày cuối năm	<b>23.352.186</b>	<b>1.532.533.196</b>	<b>894.979.633</b>	<b>531.742.506</b>	<b>2.982.607.521</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	16.000.000.000
Số dư cuối năm	16.000.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	200.000.004
Khấu hao trong năm	1.700.000.004
Số dư cuối năm	<b>1.900.000.008</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	15.799.999.996
Tại ngày cuối năm	<b>14.099.999.992</b>



10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.836.430	10.946.181
Các khoản khác	120.510.306	230.041.087
	<b>125.346.736</b>	<b>240.987.268</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.523.521.389	3.158.179.167
Các khoản khác	3.627.428.353	576.625.112
	<b>8.150.949.742</b>	<b>3.734.804.279</b>

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Văn hóa và Truyền thông Liên Việt	3.201.962.400	-
Công ty TNHH HTCOM Việt Nam	2.806.102.541	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản S-Việt Nam	2.597.018.668	802.264.738
Công ty TNHH Tân Thăng Long	2.403.471.960	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	2.706.369.887	781.923.119
Khác	25.927.176.982	10.039.168.355
	<b>39.642.102.438</b>	<b>11.623.356.212</b>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	2.818.196.252	10.658.643.032	10.976.804.278	2.500.035.006
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.201.003.664	2.444.826.696	3.231.654.644	2.414.175.716
Thuế thu nhập cá nhân	939.823.832	2.449.947.257	2.861.687.432	528.083.657
Khác	28.383.887	525.690.821	526.802.480	27.272.228
	<b>6.987.407.635</b>	<b>16.079.107.806</b>	<b>17.596.948.834</b>	<b>5.469.566.607</b>

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	204.874.000	26.306.000
Khác	42.693.991	8.329.091
	<b>247.567.991</b>	<b>34.635.091</b>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	5.180.051.916	10.180.051.916
Tăng vốn trong năm	95.000.000.000	-	95.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	12.800.801.899	12.800.801.899
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>17.980.853.815</b>	<b>117.980.853.815</b>
Lợi nhuận trong năm	-	7.738.731.017	7.738.731.017
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>25.719.584.832</b>	<b>125.719.584.832</b>

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Doanh thu, giá vốn theo hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 16 và số 17.

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

16. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	133.545.354.366	125.080.246.000
	<b>133.545.354.366</b>	<b>125.080.246.000</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 22)	10.689.067.100	115.321.014.000



17. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	103.595.769.389	98.320.341.985
	<b>103.595.769.389</b>	<b>98.320.341.985</b>

18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.694.359.244	726.124.099
Chi phí nhân công	32.811.953.878	16.550.638.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.626.740.299	700.550.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.180.419.122	61.330.379.882
Chi phí khác bằng tiền	655.312.406	1.461.184.781
	<b>126.968.784.949</b>	<b>80.768.877.757</b>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.436.017.871	6.112.312.756
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.846.719.086	260.454.626
Thuế, phí và lệ phí	44.939.552	118.889.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.413.773.541	2.799.989.532
Chi phí khác bằng tiền	1.907.669.926	1.382.925.344
	<b>18.649.119.976</b>	<b>10.674.571.328</b>

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.444.826.696	3.231.654.643
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.444.826.696</b>	<b>3.231.654.643</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	10.183.557.713	16.032.456.542
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	2.040.575.769	125.816.676
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.224.133.482	16.158.273.218
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.444.826.696</b>	<b>3.231.654.643</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.444.826.696</b>	<b>3.231.654.643</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và quyết toán với cơ quan thuế.

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.738.731.017	12.800.801.899
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.738.731.017	12.800.801.899
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	5.497.260
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>774</b>	<b>2.329</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể thay đổi khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc trích lập quỹ này.

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

**Bên liên quan**

Ông Đinh Chí Hiếu  
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình  
Ông Nguyễn Đình Đức  
Bà Lê Thị Trà Mi  
Bà Trần Thị Phương Hoa  
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Unicloud  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Vietnet  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud  
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hùng Dũng Phú Yên  
Công ty Cổ phần Công nghệ và Phần mềm IDEAS Việt Nam  
Công ty Cổ phần Sunshine AM  
Công ty Cổ phần Quản lý Vận hành Khách sạn & Khu nghỉ dưỡng Matterhorn  
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Sunshine  
Công ty Cổ phần Marina 3  
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Business  
Công ty Cổ phần Marina 2  
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang  
Công ty TNHH Đầu tư Diamond Westlake  
Công ty TNHH Bảo Tín Sơn Tùng  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG  
Công ty Cổ phần xây lắp Sunshine E&C  
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT  
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan  
Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uniclcloud	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.661.271.218	5.291.151.000
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.541.763.500	2.262.455.000
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.072.500.000	30.102.526.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Uniclcloud	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.555.199.762	-
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.353.719.620	-
Công ty Cổ phần Quản lý Vận hành Khách sạn & Khu nghỉ dưỡng Matterhorn	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	504.613.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.821.613.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	36.587.740.000
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	15.653.159.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	6.864.191.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	3.666.517.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	2.802.505.000
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	2.095.769.000
Công ty TNHH Bảo Tín Sơn Tùng	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.501.735.000
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.352.363.000
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.322.674.000
Công ty TNHH Đầu tư SSF	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.175.069.000
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.080.895.000
Công ty Cổ Phần Kinh doanh Nhà Sunshine	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	746.839.000
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	620.481.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-Mart	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	250.059.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	123.273.000
		<b>10.689.067.100</b>	<b>115.321.014.000</b>

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uniclound	Mua tài sản cố định, công cụ dụng cụ	3.634.550.236	16.862.146.561
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Hoàng An	Phí thuê văn phòng, dịch vụ điện, nước	-	863.958.705
Công ty Cổ phần Sunshine Cab	Phí thuê xe, mua xe ô tô	-	781.666.666
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-Mart	Chi phí dịch vụ ăn uống, mua công cụ dụng cụ	-	497.677.580
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành S - Service	Phí dịch vụ vận hành tòa nhà, thuê chỗ để xe	-	342.840.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Dịch vụ ăn uống, văn phòng phẩm, voucher thưởng	-	256.677.212
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Phí dịch vụ điện, nước	-	175.798.082
		<b>3.634.550.236</b>	<b>19.780.764.806</b>



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5)</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	5.233.805.080	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicon	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.874.172.915	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Unicon	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.679.615.743	-
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	460.760.400	-
Công ty Cổ phần Quản lý Vận hành Khách sạn & Khu nghỉ dưỡng Matterhorn	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	194.982.040	-
		<b>10.443.336.178</b>	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	Phải trả tiền mua dịch vụ phần mềm, mua sắm tài sản	2.418.424.278	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicon	Phải trả tiền mua dịch vụ phần mềm, mua sắm tài sản	287.945.609	781.923.119
		<b>2.706.369.887</b>	<b>781.923.119</b>

*Thù lao của Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>4.471.813.291</b>	<b>2.993.792.124</b>
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	2.520.894.924	1.598.069.902
Ông Nguyễn Đình Đức	735.918.367	571.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	1.215.000.000	824.722.222
	<b>4.471.813.291</b>	<b>2.993.792.124</b>

*Thù lao của Ban Kiểm soát trong năm:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thù lao của Ban kiểm soát</b>		
Ông Nguyễn Đức Tùng	96.000.000	-
Bà Nguyễn Thu Thủy	60.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Dịu	60.000.000	-
	<b>216.000.000</b>	-



Đỗ Lệ Thủy  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2023